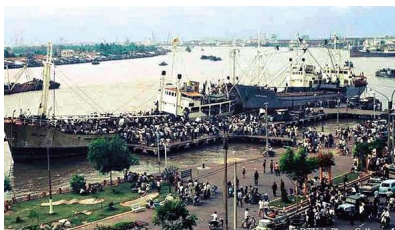


Ngày 30 tháng 4 mở ra một trang sử đau buồn của dân tộc.



1* Mở bài.

Mỗi năm, ngày 30 tháng 4 gợi lại vết thương đau buồn và mất mát của người Việt hải ngoại, người Việt mất nước, người Việt trốn, ... người Việt chạy trốn chế độ đỏ đỏ c tài Cộng Sản.



2* Chiến dịch “Gió Lốc”. (Operation Frequent Wind)

2.1. Chiến dịch Frequent Wind

Chiến dịch Gió Mè (Operation Frequent Wind) là một cuộc di tản bằng trực thăng của Hoa Kỳ và của Việt Nam Cộng Hòa, diễn ra từ ngày 29 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Có 50,493 người, trong đó có 2,548 trẻ em, rời khỏi cuộc di tản từ phi trường Tân Sơn Nhất. Các phi công đã bay tổng cộng 1,054 giờ, với 682 chuyến bay trong chiến dịch. Đã có hơn 7,000 người rời khỏi cuộc di tản bằng trực thăng từ nhiều địa điểm khác nhau ở Sài Gòn.

Chiến dịch có 4 phương án:

1. Phương án 1. Di tản bằng phi công dân sự từ phi trường Tân Sơn Nhất
2. Phương án 2. Di tản bằng phi công quân sự
3. Phương án 3. Di tản bằng tàu thuyền từ cảng Sài Gòn
4. Phương án 4. Di tản bằng trực thăng, bốc người đi đến các chiến hạm ngoài khơi.

Ngày 28-4-1975, phi trường Tân Sơn Nhất bị pháo kích và bị 5 phi công A-37 ném bom, nên di tản bằng phi công cánh cò đành chấm dứt, và phương án Operation Frequent Wind, di tản bằng trực thăng bắt đầu.

2.2. Giai đoạn chuyển bại

Đây là một chiến dịch được chuyển bại trước mắt.

Cố gắng tìm kiếm địa điểm 50 dặm ngoài khơi hạm đội của huy động từ nhiệm vụ tháng trước ngày 30-4-1975.

Đầu tháng 3 năm 1975, khu trục hạm USS Kirk được lệnh neo tại căn cứ San Diego, để đi hàng không mẫu hạm USS Hancock. Hàng không mẫu hạm Hancock được lệnh chuyển đến Hawaii, để đưa những chiếc máy bay lên bờ và thay vào đó bằng những chiếc máy bay của TQLC/HK, rồi trở về căn cứ Biển Đông.

Chiếc USS Kirk bắt đầu vào cuộc, với Chiến dịch Eagle Pull để di tản 300 người Mỹ rời khỏi Phnom Penh. Campuchia thất thủ ngày 17-4-1975. Sau đó, chiếc USS Kirk xuôi xuống phía nam, hướng về Singapore để cùng với khu trục hạm USS Cook hàng không mẫu hạm Midway, tham gia chiến dịch Frequent Wind.

2.3. Kế hoạch bí mật, không cho công nhân con tàu.

Chiến dịch Frequent Wind do ông Richard L. Armitage phụ trách. Ông nguyên là một sĩ quan HQ/HK, lúc đó là đặc phái viên của Bộ QP/HK, thực hiện nhiệm vụ lập kế hoạch di tản những chiếc máy bay của HQ/VNCH, công tác là giám đốc những chiếc máy bay và kỹ thuật công nghệ được trang bị trên những chiếc máy bay đó. Nếu không giám đốc thì phá hủy, để không bị lọt vào tay CSBV làm chiến lợi phẩm. Nhiệm vụ chính của ông Armitage là công nhân con tàu, không để lọt vào tay VC.

Khu trục hạm USS Kirk cùng thủy thủ đoàn 200 người, được lệnh đến đảo Côn Sơn, là nơi được chọn để tập trung tàu bè và người di tản tại đó.

Một vài tuần trước ngày 30-4-1975, ông Armitage đã có một buổi văn phòng của người bạn thân là Đại tá Kim, Tư lệnh phó HQ/VNCH. Hai người lập kế hoạch giám đốc những chiếc máy bay của HQ/VNCH.

Đại tá Kim cho ông Armitage biết rằng, nếu những con tàu rời VN, thì phải có thủy thủ đoàn, những thủy thủ VN sẽ không đi, nếu gia đình của họ không được đi theo. Kế hoạch của họ thoát những con tàu đưa đến việc di tản người lính của Cảnh Sát. Ông Armitage không báo cáo với thủy thủ công vụ vì lo ngại chính quyền Mỹ có thể không giám đốc họ.



Richard Armitage, ân nhân của gần 30 ngàn người Việt Nam trong cuộc cứu mạng cuối tháng 4-1975

Cả hai ông, đồng tá Kim và Armitage không chắc liệu ông có con số người di tản là bao nhiêu.

2.4. Chiếm hòm USS Kirk bắt đầu tiếp nhận trực thăng di tản

Tối sáng sớm ngày 29-4-1975, USS Kirk loan báo, có mặt sẵn đáp dành cho trực thăng trên boong, nhưng suất bui sáng không có trực thăng nào đến cả. Mãi đến xế chiều, mới có trực thăng UH-1 của KQ/VNCH đến theo 16 chiếc UH-1, 1 chiếc CH-47 Chinook không lái với 2 chong chóng và 1 chiếc vũ trang Cobra, cùng với 200 người di tản đã có mặt trên chiếc Kirk. Trong số UH-1, có 1 chiếc của Air America, là hãng hàng không của CIA.

2.5. Hòn đảo Côn Sơn

Ngày 1-5-1975, chiếc Kirk đã có mặt ở Côn Sơn tối sáng. Đã có 30 tàu HQ/VNCH, hàng chục tàu đánh cá và tàu chèo hàng, đầy khòm nhòm người tản nấn nhá khu tiếp trung ngy.

Ông Kent Chipman, mặt người thợ máy, lúc đó 21 tuổi, thuật lại: “Nhưng con tàu nhai nhét đầy người, tôi không thể xem bên dưới lòng tàu, nhưng trên boong tàu thì chết chng, người san sát nhau”.

Mặt tài liệu lịch sử cho rằng có khoảng 30,000 người.

Mặt số tàu không còn chý đợc, nên họ cùng lôi kéo nhau đi. Mặt chiếc quá khòm nên đang

chìm. Nhi u ng i trên tàu nh y xu ng bi n. M t trung úy HQ/VNCH n l c giúp hành khách r i kh i chi c tàu đang chìm. Hành khách đ c chuy n sang tàu k bên b ng m t t m ván g h p. C nh h n lo n x y ra.

M t ng i đàn ông ra tay đánh ngã m t ph n phía tr c anh ta, cô b r i xu ng bi n, và đ c c u v t.

“Ng i trung úy VN không h l ng l , anh ta đ n ngay sau anh chàng đó, rút súng b n m t phát vào đ u gi t ch t anh ta, r i đá xác qua m t bên, ti p t c c u ng i. Cú b n th t kinh hoàng, nh ng ng n ch n đ c h n lo n”. Ông Stephen Burwinkel, ng i y tá trên chi c Kirk thu t l i nh th .

2.6. Các chi n h m H i quân Vi t Nam C ng Hòa t gi i gi i.

Đ n th ba, ngày 6-5-1975, toàn th h m đ i di t n c a HQ/VNCH g n đ n c ng Subic (Philippines).

L nh ban ra: “T t c nh ng chi n h m ph i t gi i gi i hoàn toàn”. Tàu chi n M cho nh ng Cano c p vào nh ng chi c tàu n y đ h t h t súng ng, đ n đ c.

Trên đ ng đi, th y th và y tá M cung c p n c u ng, th c ăn, thu c men và khám b nh cho ng i t n.

Trên đ i đ ng, h i ph n qu c t , chi c tàu nào đ ng ký qu c gia nào, mang c n c nào, thì đ c xem nh là lãnh th c a qu c gia đó. Vì th , m t đ a tr đ c sinh ra trên tàu, thì có quy n xin đ c mang qu c t ch c a qu c gia c a chi c tàu.

Qua 6 ngày trên bi n, trong 30,000 ng i t n, đã có 3 ng i thi t m ng và đ c th y táng, vì Philippines không cho phép mang xác ch t lên n c h .

Khi đ oàn tàu đ n g n Philippines thì thuy n tr ng chi c Kirk, nh n đ c m t tin không t t l ành gì. Đó là chính ph c a T ng th ng Ferdinand Marcos e ng i r ng s hi n di n c a tàu HQ/VNCH có th gây khó khăn v ngo i giao c a h , đ i v i chính quy n CSVN. H m tr ng Jacobs c a chi c Kirk k i: “Chính ph Philippines không cho phép chúng tôi vào c ng Subic và đ ngh nh ng con tàu nên tr v Vi t Nam”.

Đ i tá Đ Ki m và ông Armitage đ a ra m t gi i pháp bu c T ng th ng Ferdinand Marcos ph i ch p nh n. Đó là c VNCH đ c h xu ng và tr ng c M lên, ch ng t nh ng con tàu n y là c a Hoa K .

Mà th t, nh ng con tàu n y là c a HK. C s lý lu n là, trong chi n tranh, tàu HK đ c trao cho VNCH nh là m t kho n cho m n đ ch ng C ng S n, nh ng bây gi chi n tranh k t thúc, HK thu h i nh ng chi c tàu n y tr i. Th là m t cu c tìm ki m khó khăn, làm sao có đ 30 lá c M trong lúc ì trên m t bi n.

Bu i i h c chính th c.

Hàng ch c ngàn ng i VN trên các con tàu b t đ u hát qu c ca. C VNCH h xu ng trong nh ng ti ng b t khóc. Khóc. Và khóc... Ch a bao gi có m t bu i i h c đ y xúc đ ng đ n nh th .

Lãnh th VNCH cu i cùng đã m t th t s . Cái đ au g m nh m khôn nguôi c a ng i Vi t mi n Nam là m t n c. Nh ng ng i còn i ng tri thì không nên quên n i nh c đó.

3* Chi n d ch di t n tr s sinh (Operation Babylift)

3.1. Chi n d ch

Tháng 4 năm 1975, mi n Nam đang s p đ d i s t n công c a C ng S n B c Vi t, T ng

th ng Gerald Ford ra l nh cho th c hi n chi n d ch di t n đ c u tr “m côi”, cho r ng, có th VC s không n ng tay, vì m t s là con lai M .

Hoàn c nh bu c ph i di t n tr th .

Nh ng tr mang tên là tr “m côi”, th t ra là đã có cha ho c m còng s ng, nh ng vì hoàn c nh nào đó, h đã t b các em, đ a vào cô nhi vi n, mang tên tr m côi.

M t s nh ng ng i chăm sóc các em là nh ng ng i ngo i qu c vào VN làm công tác thi n nguy n cho các nhà th và các t ch c t thi n n c ngo ài. H ph i r i VN. Trong hoàn c nh vô c ng h n đ n c a nh ng ngày g n cu i tháng 4 năm 1975, hàng ch c ngàn gia đình VN đang ch di t n. Tr m côi cũng không th b b r i trong hoàn c nh h n đ n đó đ c. Nh ng ng i thi n nguy n HK đã n l c v n đ ng, đ a các em ra kh i VN đ ti p t c đ c chăm sóc và nuôi d ng. Các em đã b cha m b m t l n r i, không th b b l n th hai, cho nên vi c di t n tr m côi là đ y lòng nhân đ o.

M t đ i n hình là bà Betty Tisdale, đã n l c ch y đ n ch y đáo đ hoàn thành th t c làm h s xu t c nh cho 219 tr s sinh r i VN. Bà Tisdale thu t l i: “Tôi ch y đ n b nh vi n Nhi đ ng, xin 225 m u gi y khai sanh, r i đ i n vào ngày gi và n i sanh m t cách nhanh chóng. Tôi hoàn toàn không bi t nh ng em bé n y là con c a ai, sinh ra lúc nào, n i nào. Nh ng ngón tay c a tôi c vi t đ i đ t o ra nh ng b n khai sanh. Tôi t c t c đ n g p đ i s Graham Martin xin ph ng ti n di t n cho các em. Đ i s b ng lòng v i đ i u ki n các th t c gi y t ph i đ c chính ph VN ch p thu n.”

Ông Edward Daly, ch t ch World Aiways đang có m t VN, trong lúc đó, thì con gái c a ông là m t thi n nguy n viên đang Colorado, đánh đ i n xin ông giúp đ cho tr m côi đ c ra đi.

Chi n d ch Babylift đ c th c hi n trong 3 tu n l , t ngày 2-4-1975 đ n ngày 26-4-1975. T ng c ng có 26 chuy n bay, đã đ a 2,548 tr m côi đ n Hoa K . Sau đó, các em đ c các gia đình M nh n làm con nuôi.

3.2. B t đ u b ng tang t c

Chi c Lockheed Martin C-5A Galaxy, đ c xem là phi c v n t i l n nh t th gi i, đã t ng ch xe tăng và c u quân s n ng 70 t n, t c n c không quân Clark (Philippines) đ c phái đ n Sài Gòn, trong nhi m v di t n tr th , b t đ u t ngày 4-4-1975.

Ngày 4-4-1975, lúc 4:15 chi u, sau khi 328 tr em và ng i l n, trong đó có nhân viên s quán M và nhi u nhân viên c a các đ n v M , đ c đ a lên máy bay. Chi c C-5 b t đ u r i đ ng băng.

Kho ng 12 phút sau, cách phi tr ng Tân S n Nh t 64km, thì m t bi n c x y ra. C a sau, n m d i b ng phi c , là n i đ a hành lý lên tàu, đã bung ra và b th i bay m t. Hành khách b xô ngã, nhi u ng i b th ng.

M t nhân viên phi hành ng i g n c a b hút bay ra kh i phi c . Nh ng ng i còn l i b t tnh do thi u d ng khí. Hai phi công chính và ph không còn đ i u khi n đ c phi c , nên quy t đ nh tr l i Sài Gòn.

C-5 không ph i là phi c ch hành khách, cho nên nh ng m t n ti p d ng khí không đ c thi t k cho tr em, vì th , các em đ c b lên cao đ g n m t n d ng khí vào. Linda Adam, m t y tá quân y k l i nh th .

Khi còn cách Sài Gòn 5km, phi c m t đ cao, lao mình m m xu ng cánh đ ng lúa ng p n c, đ ng ph i con đê, gãy làm 4 khúc, và bình xăng phát cháy.

Trên cánh đ ng lúa thu c khu v c Cát Lái, c nh tang tóc v i nh ng xác ng i n m v ng v i trên bùn đ t.

153 ng i thi t m ng, trong đó có: 98 tr em. 34 nhân viên b QP/HK. 5 dân s . 11 nhân viên KQ/HK. Và nh ng y tá c a nhi u qu c gia. 175 ng i s ng sót.

Có nhiều người thuyết phục lý do xảy ra tại này: cho rằng bị phá hoại do những người thân Công sứ mua phá kế hoạch di tản trên thuyền, do lợi ích thiết thực của công ty Lockheed, và cho rằng phi công không được bố trí chu đáo.

Người chỉ huy của máy bay tá thiệt mạng, đi tìm kiếm cho các nạn nhân, đâm đấm kiếm tìm khắp, đòi công ty Lockheed bồi thường 200 triệu USD. Việc đi tìm tra cứu tiến hành, và cho mãi tới năm 1990 vẫn chưa có kết quả.

4* Những di sản của chiến dịch Babylift

4.1. Không có hồ sơ lý lịch cá nhân

Ngày 5-4-1976, tờ Time cho biết, nhiều trẻ em hoàn toàn không có hồ sơ và lý lịch cá nhân, đó là những con người không có họ và tên, không có giấy tờ chứng minh ngày và nơi sinh, quâc tịch... cho nên không thể nhận họ sơ con nuôi.

Các di trú và nhập tịch cho biết, có 1,671 em nhập tịch, và 353 không nhập tịch.

4.2. Bị tách gia đình

Nhiều trẻ nhập tịch đau lòng khó xảy ra.

- Bà Hà Thị Võ. Người mẹ nhập tịch đưa 3 đứa con đi theo chương trình Babylift, khi đến Mỹ, đứa con lớn nhất, khi nhận ra đứa con út 3 tuổi thì mới gia đình nhận con nuôi, bà đòi con lại. Công bố bé không nhận bà, khi nhận cho nhà chức trách bác bỏ yêu cầu của bà.

- Bà Doãn Thị Hoàng An. Bà An ở bang Montana, nhận mình là mẹ ruột của cậu bé Ben, 4

tuổi, được c vợ chồng Johnny và Bonnie Nelson nhận làm con nuôi từ chương trình Babylift.

Khi ra tòa, cậu bé Ben không nhận bà Hoàng An, không có phần công nhận công chứng triệu nhận và thẩm phán yêu cầu bà Hoàng An, dù vậy, tòa phán quyết cậu Ben thuộc về bà mẹ Việt Nam.

Thế là vợ chồng Nelson tiếp tục đưa đơn kiện lên tòa thẩm phán thẩm.

5* Trữ vợ chồng hàng

5.1. Trữ mẹ cô trốn vợ Việt Nam trong vai trung tá Mỹ

Cô Kimberly Mitchell có chuyến vợ Việt Nam trong vai mẹ trung tá Mỹ.

Trong 40 năm sau khi được mẹ trung tá Mỹ, thuộc KQ/HK và vợ ông, nhận làm con nuôi năm 1972, cô Mitchell được biết là mẹ trung tá sinh mang số 899, bố bố rời từ cô nhi viện Thánh Tâm, Đà Nẵng.

Trung tá Mitchell hiện là Phó giám đốc văn phòng Trữ giúp Quân nhân và Thân nhân tại Bộ QP/HK, cho biết: “Tôi muốn công nhận ngay khi kết thúc và quá khó còn chưa biết của mình.” Trung tá Mitchell đã thăm Sài Gòn và Đà Nẵng trong chuyến đi mẹ trung tá từ VN.

Chuyến thăm từ từ mẹ cô Thánh Tâm, nay là mẹ trung tá, được coi là phần xúc động nhất của chuyến đi. Từ mẹ trung tá, Mitchell gặp “S” Mary, là người đã từng làm việc trong thời gian tiếp nhận em bé số 899 vào cô nhi viện. “S” Mary cho biết, cái tên mà họ đặt cho tôi là Trữ Nguyễn Bích, nghĩa là viên ngọc quý. Đây là chuyến thăm của mẹ trung tá từ người, nghĩa là mẹ trung tá duy nhất. Tôi chắc chắn sẽ không chờ 40 năm nữa để quay trở lại”, Mitchell thuật lại.

5.2. Phim Ngồi con gái Đà Nẵng (The daughter from Da Nang)

Phim tài liệu The daughter from Da Nang đã được vinh danh lãnh giải Oscar và là phim tài liệu. Phim đã chiễm nhiệu giải thưởng trong các Đäi Hội Đän Quốc (Film Festival) Hoa Kỳ năm 2002: Sundane Film Festival, San Francisco International, Ojai Film Festival, Durango, Colorado, Texas, New Jersey International, Nashville, Cleveland.

Nội dung phim

Vào nhäng ngày sau cùng của cuộc chiến VN, chính phủ Gerald Ford đã bỏ ra 2 triệu USD để mua chiến dịch Babylift. Gần 3,000 trẻ mồ côi từ VN sang Hoa Kỳ, Canada, Pháp và Úc để làm con nuôi.

Cuộc di tản bắt đầu bằng một tai nạn kinh hoàng làm chết hàng trăm trẻ em.

Cuốn phim xoay chung quanh cuộc đời của Heidi Bub và trong chuyến đi tìm mẹ ruột sau 22 năm.

Heidi Bub sinh năm 1968 tại Đà Nẵng, con của bà Mai Thị Kim và một quân nhân Hoa Kỳ. Chị của bà Kim là Đỗ Hữu Vinh, từ năm 1964, đã bỏ vợ và 3 con ở lại Đà Nẵng, nhäy näi theo Việt Cộng chị của Mai.

Bà Kim vào làm công nhân trong căn cứ Mỹ ở Đà Nẵng. Ở đó, bà được một ông lính Mỹ rời sanh ra Mai Thị Hiệp (Heidi). Khi VC đánh vào Đà Nẵng, vì sợ con lại mất VC khäng bỏ, nên bà đưa con vào Hội Cha Mẹ Nuôi lúc Heidi 6 tuäi.

Khi sang Mỹ, Mai Thị Hiệp được bà Ann Neville, một phụ nữ đức thân, khoa trưởng ở một trường đäi học, nhận làm con nuôi, tên là Heidi Bub.

Chiến dịch Babylift.

Bà Ann Neville sinh sống ở bang Tennessee, thánh địa của kẻ thù chống lại Klu Klax Klan. Bà che giấu người bạn và cố gắng làm cho Heidi giống 101% như Mồ đẻ bỏ rơi con.

Vào một chiều, Heidi không hiểu vì sao, nhưng tình cảm giữa hai mẹ con rất khô khan cần cần, hiểu nhau hơn nhưng bạn bè tình thân mẹ con. Bà Ann quá nghiêm khắc. Cuộc cùng, bà đưa Heidi ra khỏi nhà mà không giải thích lý do.

Lúc 6 tuổi, Heidi từng nghĩ rằng mình không ngoan nên bị mẹ ruốt t bị. Lúc 22 tuổi, cô có một cảm, có lẽ mình quá tốt hơn nên đã bị mẹ t mẹ hai lần.

Năm 22 tuổi, Heidi bắt đầu tìm mẹ ruốt t. Trong lúc đó, ở VN, bà Mai Thị Kim cũng ra sức tìm tìm để a con.

Năm 1991, mẹ con bắt liên lạc được, qua một nhân viên của siêu quán HK. Heidi bắt đầu học tiếng Việt.

Năm 1997, ký giả Trần Trọng Nghĩa, người ở VN đưa tin mà Heidi tiếp xúc tại Mỹ. Trần Trọng Nghĩa giúp Heidi trong chuyến về VN gặp lại mẹ ruốt t.

Tiếp theo là phi trình Đà Nẵng, Heidi gặp lại mẹ ruốt t và các anh chị cùng mẹ khác cha. Tiếp theo là những người bạn, những người bạn của mẹ đẻ gia đình, việc thăm hàng xóm, đi chơi...

Chỉ vài ngày sau, Heidi cảm thấy khó chịu, bị sốc vì khác biệt văn hoá. Biên giới riêng tư của mình bị xâm phạm.

Bà Kim muốn nghe chung giọng nói của Heidi để tâm sự suốt đêm, không muốn rời con, nhưng để

vì Heidi thì đó là một cuộc trốn công, lẩn át không gian cá nhân. Heidi không có thì giờ để suy nghĩ về những sự việc quá mệt mỏi, quá xa lạ đối với mình.

Heidi thoát sự bóc lột khi các anh chị cho riêng cô có bản quyền phần phụ kiện cung cấp tiền bạc và làm đơn báo lãnh cho gia đình sang Mỹ.

Heidi nghĩ riêng cô bóc lột và bóc lột đi đàng, nên đã đi vé máy bay về Mỹ sớm hơn lịch trình định nh.

Khi về đến Mỹ, cô nhận được các anh chị khác cha, chị yêu và con là tiền bạc và báo lãnh. Cô cảm thấy không sợ sự trừng phạt như những bức thư đó.

6.1. Quê hương là chòm khế ngọt

Ngay từ những Cộng Sản nhận được tin tức đã mở rộng vòng tay cứu giúp và cứu mang mình là quê hương thế hai. Quê hương này, cách thế là Hoa Kỳ, đã trợ giúp tài chánh bằng cách đưa đi xây dựng cuộc sống mới. Con cái những người trốn có nền giáo dục rất tốt, và nhận là được tin tức này đã cho người đời nhận một đời sống bình đẳng với những người bản xứ, nhân quyền được tôn trọng.

Sống ở quê hương thế hai, nhiều người cho đó là niềm tin tưởng, nên không bao giờ quên quê hương mà mình được sinh ra. Quê thế đó là chòm khế ngọt. Quê hương VN cách thế là 84 triệu đồng bào cứu mình trong nước. (Không kể 3 triệu đồng bào CSVN)

Có hai quan niệm và hình thức phục vụ quê hương. Đó là đưa tranh đòi tự do, dân chủ và nhân quyền cho đồng bào trong nước, và một hình thức khác là về nước, phục vụ đồng bào CSVN góp phần xây dựng quê hương.

6.2. Trí thức Việt kiều và kết quả hai lẩn trốn

Ngày chạy trốn chế độ cứu tài CS bằng di tản, vượt biên, vượt biển, những người trốn về VC chỉ từ

b i. Tôi xin trích nguyên văn l i c a tác gi T ng Ph c Hi n nh sau:

Trích nguyên văn. “C ng S n xem nh ng ng i v t biên, v t bi n ch y tr n chúng là b n ph n qu c, ph n đ ng, là c n bã, b n ăn bám, vong b n, l i bi ng...” (h t trích)

Th r i Ngh Quy t 36 c a đ ng CSVN ra đ i. Ng i trí th c t n n đ c hoan nghênh khi tr v thành Vi t Ki u Yêu N c. Nh ng trí th c Vi t Ki u Yêu N c n y l i b m t l n đ n th hai, cũng không kém n ng n nh ng l i ch i b i c a Vi t C ng tr c kia.

Ph c v quê h ng là không có đ i u ki n. T ng th ng Kennedy có nói m t câu đ i ý nh sau, ta không nên đòi h i t qu c ph i làm gì cho ta, mà t h i, ta ph i làm làm gì cho t qu c. M t v trí th c v n c góp ph n xây đ ng quê h ng, ch a làm đ c gì mà xin đ c mua nhà VN. Su t m y năm không đ c đáp ng, bèn than phi n n y n lung tung, khi n cho trí th c chân chính trong n c xem th ng ra m t.

6.3. Câu chuy n m t quy n t n n c a m t Vi t ki u Pháp

Bài vi t c a ký gi Xuân Mai trên báo áp phê s 4 t i Paris nh sau:

“Ông Nguy n Văn Tuy n, 59 tu i đ n đ nh c t i Pháp năm 1980. V i lá đ n th ng thi t nh sau: “N u tôi l i, nhà c m quy n CSVN s b t giam, đánh đ p và b tù không có ngày ra. Vì lý do nhân đ o, tôi tr n th nh c u n c Pháp, vui lòng ch p thu n cho tôi đ c t n chính tr , s ng t m dung trên m nh đ t t do n y, và tôi ch tr v quê cũ khi nào quê h ng tôi không còn ch đ đ c tài C ng S n.”. Nh ng ông Tuy n đã ph n b i t cách t n n c a ông đ n 7 l n t năm 1995 đ n năm 2000. (Theo tài li u c a OFPRA=Office Francais de Protection des Réfugiés et Apride-C quan B o v Ng i T n n và Vô T qu c). Ngày 27-6-2000, ông Tuy n và 544 Vi t ki u Pháp b OFPRA g i th thông báo rút l i th t n n, v i lý do tr v quê cũ khi còn ch đ đ c tài C ng S n.

“Chi u theo đ i u 1, kho n 2A c a Hi p Đ nh Genève ngày 28-7-1951, chúng tôi thu h i th t n n. Đ ng th i cũng tr n lên Cao y T N n LHQ, k t nay, OFPRA không còn ch u trách

nhĩ m vĩ õng, vĩ tình trĩ ng cĩ trú, xin viĩ c làm, hĩĩ ng trĩ cĩ p xã hĩ i theo diĩ n ngĩĩ i tĩ nĩ n chính trĩ”.

Đĩĩ c biĩ t, tĩ năm 1988 đĩ n năm 2000, tĩ ng sĩ ngĩĩ i Viĩ t Phá p bĩ truĩ t bĩ quyĩ n tĩ nĩ n và quyĩ n lĩ i, vĩ i con sĩ là 22,417.

Bài viĩ t ghi nhĩ sau: “Chĩnh phĩ Viĩ t Cĩ ng qua các đĩ i sĩ tĩ Võ Văn Sung, Mai Văn Bĩ, Trĩ nh Ngĩ c Thái đĩ n Nguyĩ n Chiĩ n Thĩ ng đĩ coi ngĩĩ i Viĩ t Nam là thành phĩ n cĩ c kĩ phĩ n đĩ ng, cĩ n phĩ i triĩ t hĩ, hĩ c áp đĩ ng chĩnh sách gĩ y õng đĩ p lĩ ng õng. Đĩ là, đĩ giĩ i trong viĩ c cĩ p chiĩ u khĩn cho hĩ, đĩ hĩ bĩ OFPRA cĩ t quyĩ n tĩ nĩ n và trĩ cĩ p xã hĩ i. Sau khi cĩ p chiĩ u khĩn, tòa đĩ i sĩ thông báo danh sách cho Bĩ Nĩ i vĩ Phá p biĩ t tên hĩ cĩ a nhĩ ng ngĩĩ i vi phĩ luĩ t tĩ nĩ n. Mĩ t khi mĩ t thĩ tĩ nĩ n, thì mĩ t luĩn thĩ thĩĩ ng trú (Carte de Séjour) nĩn khĩng xin đĩĩ c viĩ c làm. Trĩĩ ng hĩ p đĩ, muĩ n sĩ ng Phá p trĩn 3 năm, thì phĩ i cĩ Passport cĩ a chĩnh phĩ CSVN, đĩ trĩ thành công dân Viĩ t Cĩ ng cho đĩ n mĩn kiĩ p.

Cái thĩm đĩ c cĩ a VC là nhĩ thĩ.

Viĩ t Cĩ ng nhìn con ngĩĩ i bĩ n chĩ t. Mĩ t bĩ n chĩ t bĩ cho là “Phĩ n đĩ ng, phĩ n quĩ c, cĩ n bã...” thì khĩ gĩ t rĩ a đĩĩ c. Nĩ u khĩng cĩ tiĩ n gĩ i vĩ hàng tĩ đô la mĩ i năm, thì cái bĩ n chĩ t đĩ vĩ n tĩ n tĩ i trong đĩ u óc cĩ a VC. Khĩc ruĩ t thĩ a ngàn đĩ m vĩ n luĩn luĩn là nhĩ thĩ.

Cĩ nhĩ ng câu hĩ i cho “trĩ thĩ c Viĩ t Kiĩ u Yĩu nĩĩ c”:

- Quý vĩ vĩ phĩ c vĩ quĩ hĩĩ ng vĩ i thĩn phĩ n nào đĩy?

- Quý vĩ cĩ đĩĩ c đĩ i xĩ bình đĩ ng vĩ i ngĩĩ i dân trong nĩĩ c khĩng? Tĩ i sao, ngĩĩ i dân đĩĩ c tĩ do mua nhà, cĩn quý vĩ thì khĩng?

- Cĩ ai đĩĩ c giĩ chĩ c quĩ n lý, nhĩ trĩĩ ng toán, trĩĩ ng phĩng, trĩĩ ng ban hay giĩm đĩ c khĩng? Quý vĩ chĩ là nhĩ ng ngĩĩ i thĩ a hành đĩĩ i quyĩ n sai bĩ o cĩ a cán bĩ đĩ ng viĩn Viĩ t Cĩ ng mà

thoi.

- Quý v có đ c t do phát bi u ý ki n riêng c a mình không? Có đ c quy n binh v c cho công lý, công b ng, l ph i, s th t hay không? Khi th y nh ng c nh b t công, đàn áp đánh đ p ng i yêu n c... quý v có dám đ ng v phía đ ng bào c a mình không? N u không, thì quý v có th b xem nh a tòng v i t i ph m.

HQ. 500 đ a ng i di-t n ra kh i Sài-Gòn.

- V n c ph c v quê h ng mà không dám đ ng v phía công lý, l ph i c a đ ng bào mình, thì l ng tâm quý v ra sao? H i, t c là tr l i v y.

7* K t

Ngày 30 tháng 4 m ra m t trang s đau bu n c a dân t c. Trí th c Vi t Ki u nên đ ng tâm hi p l c v i trí th c chân chính trong n c, đ đòi l i nh ng quy n công dân và quy n con ng i mà dân t c 84 tri u ng i Vi t Nam x ng đáng đ c h ng th k 21 n y. Đó là cách ph c v dân t c đúng đ n.

Trí th c trong n c r t kiên c ng, b t khu t, đã can đ m đòi t do dân ch cho đ ng bào c a mình, thì trí th c Vi t Ki u không nên “Áo g m v làng”, phát bi u linh tinh vô t ch c đ đ c nh n b ng khen ho c xin đ c mua nhà...

T m g ng c a nh ng trí th c chân chính trong n c nh : Nguy n Quang A, Nguy n Xuân Di n, Lê Đăng Doanh, Tr n Vũ H i, Nguy n Hu Chi, Hoàng T y, Chu H o, Lê Hi u Đ ng trong vi c đòi t do, dân ch và nhân quy n cho dân t c Vi t Nam, c n đ c n theo.

Làm ng i, nh t là trí th c, thành ph n u tú c a dân t c, ph i nên có t cách t i thi u đ có th ng a m t nhìn thiên h , trong cng nh ngo i n c.